UBND HUYỆN TU MƠ RÔNG
PHÒNG NN&PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 1: TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN THÁNG 7 NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-PNN ngày tháng năm 2023 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tu Mơ Rông)

TT	Tên xã	Tổng số tiêu chí đã đạt được đến tháng 7/2023		Chi tiết các tiêu chí																	
				TC số 1	TC số 2	TC số 3	TC số 4	TC số 5	TC số 6	TC số 7	TC số 8	TC số 9	TC số 10	TC số 11	TC số 12	TC số 13	TC số 14	TC số 15	TC số 16	TC số 17	TC số 18	TC số 19
		Tổng số tiêu chí đã đạt được	Chi tiết các tiêu chí	Quy hoạch	Giao thông	Thủy lợi	Điện	Trường học	Cơ sở vật chất văn hóa	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Thông tin và truyền thông	Nhà ở và dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục và đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và an toàn thực phẩm	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	Quốc phòng và an ninh
1	Xã Đăk Rơ Ông	14	1,2,3,4,5,6,7,8,9,12,14,16,17,19	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X		X		X	X		X
2	Xã Ngọc Lây	13	1,2,3,4,5,6,7,8,9,14,16,17,19	X	X	X	X	X	X	X	X	X					X		X	X		X
3	Xã Măng Ri	13	1,2,3,4,5,6,7,8,9,12,16,17,19	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X				X	X		X
4	Xã Đăk Na	11	1,3,4,5,6,7,8,12,13,16,17	X		X	X	X	X	X	X				X	X			X	X		
5	Xã Đăk Sao	12	1,2,3,4,5,6,7,8,14,16,17,19	X	X	X	X	X	X	X	X						X		X	X		X
6	Xã Đăk Tờ Kan	12	1,2,3,4,5,6,7,8,9,12,16,17	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X				X	X		
7	Xã Đăk Hà	12	1,2,3,4,5,6,7,8,9,12,16,17	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X				X	X		
8	Xã Tu Mơ Rông	11	1,3,4,6,7,8,9,14,16,17,19	X		X	X		X	X	X	X					X		X	X		X
9	Xã Ngọk Yêu	13	1,2,3,4,5,6,7,8,9,12,14,16,19	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X		X		X			X
10	Xã Văn Xuôi	11	1,2,3,4,6,7,8,9,14,16,19	X	X	X	X		X	X	X	X					X		X			X
11	Xã Tê Xăng	12	1,2,3,4,6,7,8,9,12,16,17,19	X	X	X	X		X	X	X	X			X				X	X		X
	TỔNG	**134**		**11**	**9**	**11**	**11**	**8**	**11**	**11**	**11**	**9**	**0**	**0**	**7**	**1**	**6**	**0**	**11**	**9**	**0**	**8**

UBND HUYỆN TU MƠ RÔNG
PHÒNG NN&PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 2: BIỂU TỔNG HỢP CÁC TIÊU CHÍ "THÔN (LÀNG) XÂY DỰNG ĐIỂM NÔNG THÔN MỚI Ở VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ" TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Kèm theo Báo cáo số /BC-PNN ngày tháng năm 2023 của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tu Mơ Rông)

TT	Tên Thôn (làng), xã, huyện	10 tiêu chí										Tổng số tiêu chí đạt theo QĐ số 147/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	Ghi chú
		TC 1 Giao thông	*TC 2 Điện*	*TC 3 Cơ sở vật chất văn hoá*	*TC 4 Thông tin và Truyền thông*	*TC 5 Nhà ở dân cư*	*TC 6 Thu nhập*	*TC 7 Hộ nghèo*	*TC 8 Văn hóa, Giáo dục và Y tế*	*TC 9 Môi trường và an toàn thực phẩm*	*TC 10 An ninh, trật tự xã hội*		
I	**Huyện Tu Mơ Rông (12 thôn (làng))**	**8**	**12**	**12**	**12**	**11**	**1**	**4**	**11**	**10**	**9**	**90**	
1	Thôn Mô Bành - xã Đăk Rơ Ông	X	X	X	X				X	X	X	7	
2	Thôn Long Láy 1 - xã Ngọc Yêu	X	X	X	X	X		X	X		X	8	
3	Thôn Tu Mơ Rông - xã Tu Mơ Rông	X	X	X	X	X		X	X	X	X	9	
4	Thôn Tân Ba - xã Tê Xăng		X	X	X	X				X	X	6	
5	Thôn Mô Bành 2 - xã Đăk Na	X	X	X	X	X			X	X	X	8	
6	Thôn Kạch nhỏ - xã Đăk Sao	X	X	X	X	X		X	X	X		8	
7	Thôn Tê Xô Trong - xã Đăk Tờ Kan	X	X	X	X	X			X	X		7	
8	Thôn Mô Pả - xã Đăk Hà		X	X	X	X	X		X	X		7	
9	Thôn Lộc Bông - xã Ngọk Lây	X	X	X	X	X			X	X	X	8	
10	Thôn Đăk Văn Linh - xã Văn Xuôi		X	X	X	X			X	X	X	7	
11	Thôn Long Láy - xã Măng Ri		X	X	X	X		X	X		X	7	
12	Thôn Ba Khen - xã Văn Xuôi	X	X	X	X	X			X	X	X	8	Thôn điểm cấp huyện